

2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MWG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG



NỘI DUNG

- 03 THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
- 05 NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT
- 06 TẦM NHÌN, SỨ MỆNH,
GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- 07 THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY

08 TỔNG QUAN

- 09 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
- 10 CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG
- 11 MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP
- 12 TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG
- 13 TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG
- 14 KẾT QUẢ KINH DOANH 2018
- 15 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019
- 16 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 18 BAN GIÁM ĐỐC
- 19 BAN KIỂM SOÁT

20 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 21 MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
- 22 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

23 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 24 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 27 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- 28 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ
KHOẢN LỢI ÍCH

32 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 33 THÔNG TIN CHUNG
- 34 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 35 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 36 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 38 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH HỢP NHẤT
- 39 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
HỢP NHẤT
- 41 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MWG đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Bằng nỗ lực không ngừng của tập thể gần 40.000 nhân viên, chúng tôi rất tự hào khi được ghi nhận trong TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Châu Á 2018 của tạp chí uy tín Forbes và vươn lên vị trí thứ 70 trong TOP 500 Nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương 2018 do Tạp chí Bán lẻ châu Á (Retail Asia) bình chọn. Trong số 14 quốc gia được xếp hạng, hầu hết vị trí thống lĩnh thuộc về các nhà điều hành chuỗi siêu thị, cửa hàng thực phẩm, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện lợi. Do đó, việc mở rộng sang lĩnh vực bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng với chuỗi Bách Hoá Xanh sẽ là động lực giúp Công ty tăng trưởng bền vững và duy trì vị thế dẫn đầu trong dài hạn. Chúng tôi tin rằng MWG sẽ tiếp tục duy trì vị trí nhà bán lẻ số 1 Việt Nam và khoảng cách giữa MWG và các nhà bán lẻ khác tại Việt Nam sẽ ngày càng lớn hơn trong tương lai.

Không chỉ được đánh giá cao bởi nhà đầu tư và các tổ chức quốc tế về hiệu quả kinh doanh, MWG rất vui mừng khi lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh trong TOP 50 Doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam và giành chiến thắng cao nhất – “Chiến lược nhân sự hiệu quả” (The Best Winner – Effective HR Practice) tại giải thưởng Vietnam HR Awards 2018. Công ty luôn chú trọng việc tạo

ra môi trường làm việc năng động, một nơi mà mọi nhân viên đều được cống hiến, tôn trọng và có nhiều cơ hội thăng tiến.

Năm vừa qua MWG tiếp tục giữ vững vị trí thống lĩnh với 45% thị phần điện thoại và 35% thị phần điện máy tại Việt Nam. Sự gia tăng thị phần tích cực trong năm 2018 là do tốc độ tăng trưởng vượt trội của MWG so với mức tăng trưởng trung bình của toàn thị trường. Bên cạnh nỗ lực mở mới cửa hàng, sự tăng trưởng của điện thoại, điện máy còn đến từ việc tối ưu hoá doanh thu trên mỗi cửa hàng thông qua (a) chủ động chuyển đổi từ các cửa hàng thegioididong.com có doanh thu cao thành Điện Máy Xanh/ Điện Máy Xanh mini; và (b) thay đổi cách sắp xếp tại cửa hàng Điện Máy Xanh mini để tăng số lượng và diện tích trưng bày sản phẩm. Các giải pháp đột phá này giúp Công ty ghi nhận thêm 30%-50% doanh thu tại cửa hàng mà không làm gia tăng chi phí thuê mặt bằng và các chi phí vận hành khác tương ứng.

Sau nhiều thử nghiệm và thay đổi chiến lược, năm 2018 cũng là năm bản lề của chuỗi Bách Hoá Xanh khi Công ty quyết liệt di dời gần như toàn bộ những cửa hàng cũ nằm sâu trong khu dân cư ra các trục đường đông đúc hơn, tập trung hoàn thiện mô hình cửa hàng chuẩn “thịt tươi – cá tươi” với nhiều lựa chọn hàng tươi sống hấp dẫn. Từ tháng

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và toàn bộ nhân viên của tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động (MWG),

Năm 2018 đánh dấu một năm tiếp tục thành công của MWG khi giữ vững vị trí nhà bán lẻ số 1 Việt Nam về cả doanh thu, lợi nhuận và số lượng cửa hàng.

Với gần 2.190 cửa hàng thegioididong.com, Điện Máy Xanh và Bách Hoá Xanh trên toàn quốc, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt trên 86.500 tỷ đồng và lợi nhuận ròng hợp nhất đạt 2.880 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trên 30% so với năm 2017. Mặc dù không xếp vào nhóm các công ty hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, MWG đang đóng góp doanh thu lớn nhất trong tổng giá trị bán lẻ trực tuyến của toàn thị trường với 12.350 tỷ đồng trong năm 2018, tăng hơn gấp đôi so với năm 2017. Như vậy, năm thứ 5 liên tiếp kể từ khi niêm yết,



8/2018, Bách Hoá Xanh bắt đầu triển khai mô hình cửa hàng lớn lên đến 300m² với sự đầu tư đa dạng hơn về chủng loại và số lượng hàng hoá, đặt tại các khu vực đông dân cư và gần chợ truyền thống. Bách Hoá Xanh cũng mở rộng đưa mô hình chuẩn đi các tỉnh lân cận ngoài TP.HCM. Với 405 cửa hàng và mức doanh thu bình quân hàng tháng ổn định của các cửa hàng chuẩn là 1,2 tỷ đồng/cửa hàng, Bách Hoá Xanh đã xuất sắc đạt mục tiêu hoà vốn EBITDA (lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao) tại cửa hàng trong tháng 12/2018.

Cuối năm 2018, MWG chính thức có thêm một “thuyền trưởng” mới, ông Đoàn Văn Hiếu Em được bổ nhiệm vào vị trí CEO dẫn dắt thegioididong.com và Điện Máy Xanh - hai chuỗi bán lẻ có doanh thu lớn nhất hiện nay của MWG, sau hơn 10 năm cống hiến và giữ nhiều vị trí quản lý chủ chốt của Công ty. Việc bổ nhiệm một tổng giám đốc thế hệ 8X đứng đầu một công ty bán lẻ có doanh thu nhiều tỷ USD cũng thể hiện hai điểm rất đặc trưng ở MWG, đó là việc lựa chọn những người có năng lực và tầm nhìn văn hóa của Công ty để đưa lên nắm giữ những vị trí chủ chốt. Đồng thời cũng là tạo điều kiện cho những người trẻ, kinh qua nhiều vị trí để họ hoàn thiện kỹ năng, năng lực để trở thành những nhà lãnh đạo của MWG. Ông Trần Kinh Doanh, với kinh nghiệm trong việc dẫn dắt chuỗi Điện Máy Xanh mở rộng thành công và đứng đầu thị trường điện máy trong 3 năm qua, sẽ toàn tâm toàn lực đưa chuỗi Bách hóa Xanh phát triển lên vị trí số 1 ngành bán lẻ thực phẩm và hàng tiêu dùng trong thời gian tới.

Với sự tập trung và máu lửa của Ban Lãnh Đạo mới, MWG đặt kế hoạch kinh doanh hơn 108.000 tỷ đồng doanh thu

và hơn 3.500 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho năm 2019. Để chinh phục mục tiêu đầy thách thức này, MWG sẽ tiếp tục mở mới cửa hàng ở những khu vực mà thegioididong.com và Điện Máy Xanh vẫn còn khả năng tăng doanh thu và thị phần, song song với nỗ lực tối ưu hoá doanh thu mỗi cửa hàng thông qua việc chuyển đổi cửa hàng, thay mới và tối ưu cách thức trưng bày sản phẩm, kinh doanh thêm nhóm sản phẩm mới và đa dạng hoá lựa chọn cho nhóm sản phẩm hiện tại. Trong đó, mảng điện máy sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và là động lực chính cho sự tăng trưởng của cả tập đoàn, hướng đến mục tiêu chiếm 40% thị phần điện máy tại Việt Nam. MWG dự kiến cuối năm 2019 sẽ có hơn 1,900 cửa hàng thegioididong và Điện Máy Xanh trên toàn quốc. Hoạt động kinh doanh online vẫn sẽ tiếp tục tạo ra sự khác biệt thực sự so với thị trường, trở thành kênh mua sắm nhanh chóng và đáng tin cậy cho khách hàng.

Dù tỷ lệ đóng góp trong tổng doanh thu chưa lớn, chuỗi Bách Hoá Xanh được kỳ vọng sẽ tăng trưởng doanh thu gấp đôi với dự kiến hơn 700 cửa hàng hoạt động cuối năm 2019. Đây là năm xây dựng nền móng quan trọng nhằm đảm bảo cho Bách Hoá Xanh sẵn sàng để nhân rộng mạnh mẽ trên toàn quốc. Mục tiêu cần đạt được trễ nhất cuối tháng 12/2019 là chuỗi Bách Hoá Xanh bắt đầu có lợi nhuận trực tiếp, tức là bù đắp hoàn toàn được tất cả các chi phí hoạt động tại cửa hàng và các trung tâm phân phối, nhưng chưa bao gồm các chi phí quản lý ở cấp độ công ty. Như vậy, chuỗi cần tập trung vào việc cải thiện biên lợi nhuận gộp thông qua (a) tích cực làm việc với các nhà cung cấp hàng tiêu dùng nhanh (FMCGs) để có giá

mua rẻ hơn, chính sách khuyến mãi cho khách hàng hấp dẫn hơn và triển khai các chương trình marketing tốt hơn, (b) rà soát quy trình xử lý và tăng hiệu quả các khâu trong chuỗi cung ứng hàng tươi sống. Bách Hoá Xanh cũng sẽ nghiên cứu và triển khai các giải pháp công nghệ hiện đại để tăng năng suất và tối ưu chi phí vận hành tại cửa hàng, kho và hoạt động cung ứng. Đặc biệt, Bachhoaxanh.com sẽ là điểm nhấn trong năm 2019 khi tập trung vào đa dạng hoá các lựa chọn sản phẩm và nâng cao chất lượng trải nghiệm mua sắm trực tuyến của khách hàng. Mục tiêu của Bachhoaxanh.com là thống lĩnh thị trường bán lẻ online thực phẩm và hàng FMCGs trong tương lai.

Cuối cùng, tôi xin tri ân Quý Cổ Đông đang nắm giữ cổ phiếu MWG vì niềm tin mà Quý vị đã dành cho tập đoàn bán lẻ Thế Giới Di Động. Chúng tôi sẽ luôn luôn nỗ lực để đáp lại niềm tin đó. Chúng tôi cam kết quản trị MWG một cách minh bạch và mang đến cho nhà đầu tư dài hạn giá trị doanh nghiệp gia tăng không ngừng.

Kính Chúc Quý Cổ Đông một năm mới nhiều niềm vui, thành công và bình an.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Đức Tài

405 Siêu thị

Tại thành phố Hồ Chí Minh,
Bình Dương, Đồng Nai và Bến Tre

1.032 Siêu thị

Trên toàn quốc

750 Siêu thị

Trên toàn quốc

Gần
40.000 Nhân viên

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2018

MWG NHÀ BÁN LÉ
SỐ 1 VIỆT NAM

DOANH THU **86.516** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ **2.880** TỶ ĐỒNG

 **thegioididong**
.com

 **Điện máy XANH**

 **Bách hóa XANH**

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**Đây là chúng tôi.
Đây là điều mà bạn có thể tin nhiệm.**

Các giá trị cốt lõi vận hành xuyên suốt mọi hoạt động, lan tỏa từ Ban Giám đốc đến mỗi nhân viên trong Công ty.

Tận tâm với khách hàng

Trung thực

Integrity

Nhận trách nhiệm

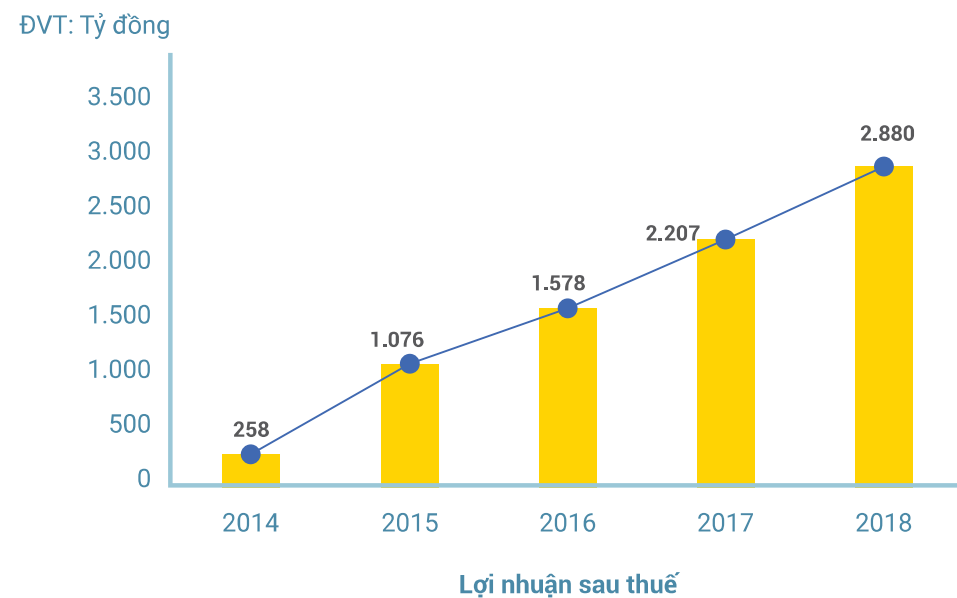
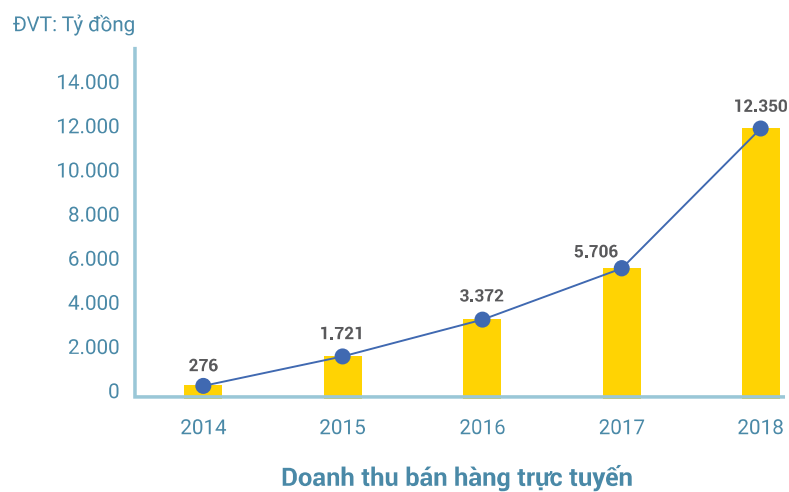
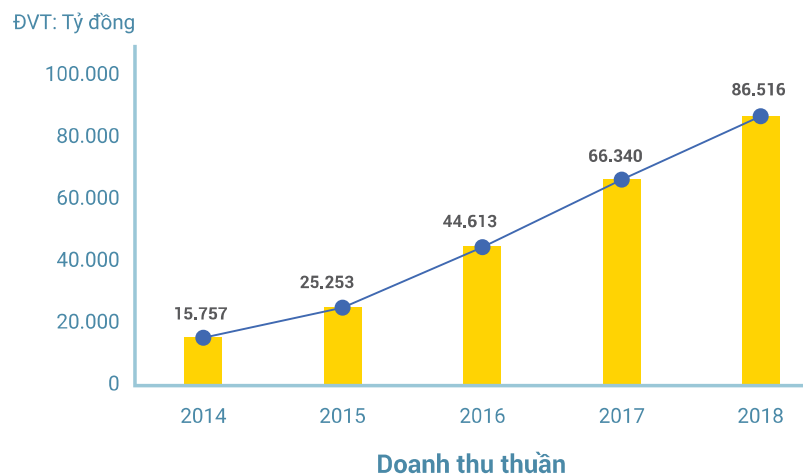
Yêu thương & hỗ trợ đồng đội

Máu lửa trong công việc

**6 GIÁ TRỊ CỐT LÕI
CỦA NHÂN VIÊN MWG**

MWG liên tục cải tiến mang đến cho Khách hàng trải nghiệm thú vị và hài lòng nhất dựa trên nền tảng văn hóa đặt Khách hàng làm trọng tâm và Integrity.

MWG 2020 là tập đoàn bán lẻ đa ngành hàng hùng mạnh nhất, có vị thế số 1 trong lĩnh vực thương mại điện tử.



THÀNH QUẢ 5 NĂM GẦN ĐÂY



TỔNG QUAN

- | | | | |
|----|------------------------|----|--------------------------|
| 09 | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG | 14 | KẾT QUẢ KINH DOANH 2018 |
| 10 | CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG | 15 | KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019 |
| 11 | MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP | 16 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ |
| 12 | TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG | 18 | BAN TỔNG GIÁM ĐỐC |
| 13 | TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG | 19 | BAN KIỂM SOÁT |

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Tên doanh nghiệp:
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THẾ GIỚI DI ĐỘNG**

Tên giao dịch đối ngoại:
**MOBILE WORLD INVESTMENT
CORPORATION**

Mã cổ phiếu: MWG

Giấy CNKD số: 0306731335
do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Bình Dương cấp

Vốn điều lệ: (tính đến 31/12/2018)
4.434.961.780.000 VNĐ

Địa chỉ: Số 222 Yersin, Phường
Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu
Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: (+8428) 8125960
Fax: (+8428) 8125962

Website: www.mwg.vn

Kinh doanh thiết bị
điện thoại di động,
máy tính bảng,
laptop, phụ kiện, sim
số dịch vụ mạng...

1.032 siêu thị

Kinh doanh thiết bị điện tử (ti vi, ...),
điện lạnh (máy lạnh, tủ lạnh, máy
giặt...), đồ gia dụng (bàn ủi, lò vi
sóng, đồ dùng nhà bếp...) và các
sản phẩm, dịch vụ liên quan đến
thiết bị điện thoại di động.

750 siêu thị

Chuỗi cửa hàng chuyên bán lẻ
thực phẩm tươi sống (thịt cá, rau
củ, trái cây...) và nhu yếu phẩm.

405 siêu thị



03/2004 - Công ty TNHH Thế Giới Di Động được thành lập.



10/2004 - Khai trương siêu thị đầu tiên.

2004

Dịch vụ khách hàng và website: www.thegioiiddong.com đã được chăm chút ngay từ những ngày đầu.

Tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ Mekong Capital, chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần.



Cuối năm 2011, đạt số lượng 200 siêu thị, tăng 5 lần so với năm 2009.

2007

2011

Lợi nhuận sau thuế **160%**

07/2014, niêm yết thành công 62.723.171 Cổ phiếu, mã MWG.

Số lượng siêu thị thegioiiddong.com tăng 60%, lợi nhuận sau thuế tăng 160% so với năm 2013.

Với gần 900 siêu thị Điện máy Xanh trở thành nhà bán lẻ điện máy đầu tiên tại Việt Nam phủ sóng 63/63 tỉnh thành với hơn 250 siêu thị.

Bắt đầu giai đoạn thử nghiệm chuỗi bán lẻ mới: siêu thị mini Bách hóa Xanh.



Phát triển vượt bậc với sự ra đời liên tiếp của các siêu thị thegioiiddong.com trên khắp mọi miền của đất nước.

2010

Cuối năm 2010, hệ thống chuyên bán lẻ các thiết bị gia dụng Điện Máy Xanh ra đời.

2012

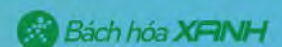
63 Tỉnh thành

03/2012 - khai trương siêu thị tại Bắc Giang, thegioiiddong.com trở thành hệ thống bán lẻ thiết bị di động đầu tiên và duy nhất hiện nay có mặt tại tất cả 63 tỉnh thành trên cả nước.

Điện Máy Xanh có mặt tại 9 tỉnh thành với số lượng 12 siêu thị.

2014

2016



2017

Thegioiiddong.com: duy trì vị thế dẫn đầu về thị phần với hơn 1.000 siêu thị.

Điện Máy XANH: Tạo dấu ấn mạnh mẽ trong việc mở rộng, kết thúc năm 2017 với hơn 640 siêu thị toàn quốc.

Chuỗi siêu thị Bách hóa XANH tăng tốc với hơn 280 cửa hàng

2018



thegioiiddong.com và dienmayxanh.com: thống lĩnh thị trường Việt Nam với 45% thị phần điện thoại và 35% thị phần điện máy, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Hoàn tất việc mua chuỗi bán lẻ điện máy Trần Anh.

Bách Hóa Xanh: có một bước tiến mạnh mẽ trong việc mở rộng khắp các quận huyện tại TP. HCM và các tỉnh lân cận, chính thức đạt điểm hòa vốn EBITDA ở cấp cửa hàng.

Hoàn tất việc đầu tư cổ phần thiểu số tại Công ty bán lẻ An Khang - Đơn vị vận hành chuỗi nhà thuốc An Khang.



MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Động (MWG) hiện đang vận hành các chuỗi bán lẻ là thegioididong.com, bigphone.com, Điện máy XANH (dienmayxanh.com), Bách hoá Xanh (bachhoaxanh.com)



Thành lập năm 2004, từ mô hình Thương mại điện tử sơ khai với một website giới thiệu thông tin sản phẩm, đến nay Thegioididong.com đã phát triển thành hệ thống siêu thị rộng khắp và trở thành nhà bán lẻ số 1 Việt Nam.

Cuối năm 2018, Thegioididong.com tiếp tục khẳng định vị thế đầu ngành với hơn 1.000 siêu thị trên toàn quốc.

Các siêu thị có diện tích từ 100-200m² được trang bị hiện đại chuyên bán lẻ các sản phẩm kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng, laptop và phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng,...



Tháng 7 năm 2016, Điện máy Xanh hoàn tất việc phủ sóng tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, mỗi siêu thị có diện tích từ 800 -1.000 m² kinh doanh chủ yếu các sản phẩm điện gia dụng và kỹ thuật số như: Tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy lạnh, lò vi sóng, gia dụng; điện thoại di động, máy tính bảng, laptop, phụ kiện, sim số, dịch vụ mạng, ...

Bên cạnh đó, layout Điện máy Xanh mini với diện tích từ 350 – 500 m² cũng giúp đưa Điện Máy Xanh đến gần hơn với khách hàng và dễ dàng tăng tốc trong quá trình mở rộng.

Với hơn 100 cửa hàng Điện máy Xanh được mở mới trong năm 2018 (bao gồm cửa hàng mới và các cửa hàng được chuyển đổi từ các cửa hàng thegioididong.com có doanh thu tốt) nâng tổng số cửa hàng ĐMX tính đến cuối 2018 là 750.



Cuối năm 2015, Cửa hàng Bách hoá Xanh đầu tiên chính thức có mặt trên thị trường với tiêu chí Mua Nhanh – Mua Rẻ.

Năm 2018, sau khi tìm ra "Công thức chiến thắng" nhờ những thay đổi chiến lược ở vị trí mở cửa hàng và danh mục sản phẩm kinh doanh, chú trọng hướng đến thực phẩm tươi sống, không ngừng mở rộng và phủ sóng khắp các quận huyện tại TP. HCM và các tỉnh lân cận với hơn 400 cửa hàng.

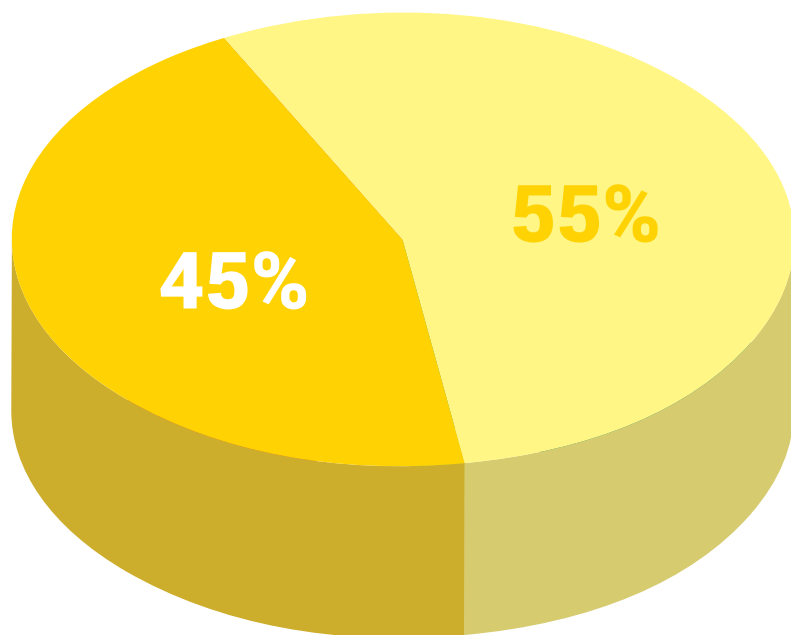


Chuỗi bán lẻ thiết bị điện thoại, phụ kiện và dịch vụ viễn thông tại Cambodia sau 3 năm thành lập đã có 10 cửa hàng, tập trung tại thủ đô Phnôm Pênh, ngày càng nhận được sự đón nhận từ khách hàng địa phương.



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

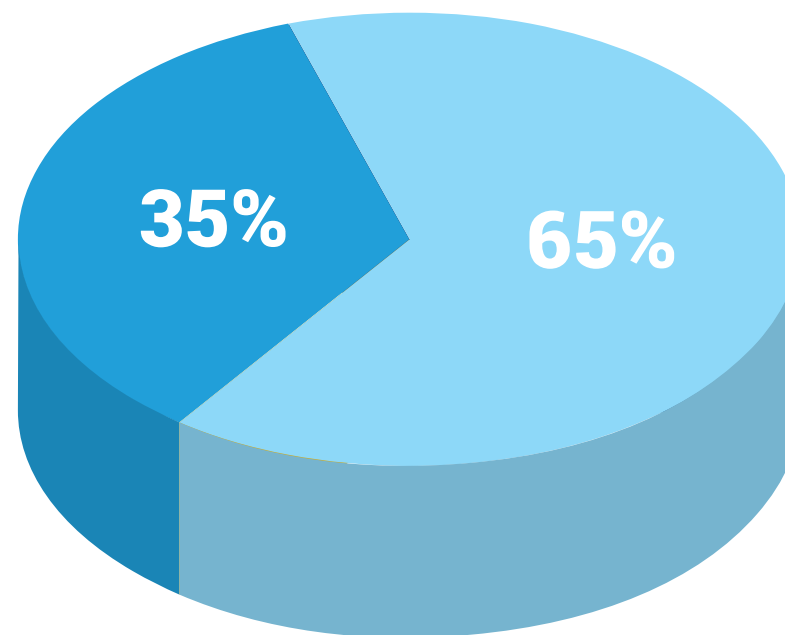
THỊ PHẦN ĐTDD CHÍNH HÃNG



THẾ GIỚI DI ĐỘNG

CỬA HÀNG KHÁC

THỊ PHẦN ĐIỆN MÁY CHÍNH HÃNG



ĐIỆN MÁY XANH

CỬA HÀNG KHÁC

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG



Các hãng điện thoại nắm bắt tốt tâm lý người tiêu dùng, không ngừng cải tiến và liên tục ra mắt sản phẩm mới. Nhiều chính sách trả góp linh hoạt, đơn giản giúp khách hàng dễ dàng sở hữu sản phẩm yêu thích.



Thị trường điện máy còn phân mảnh, cơ hội cho một số ít công ty thống lĩnh thị trường. Tỷ lệ số hộ gia đình Việt Nam đang sở hữu các sản phẩm điện lạnh (máy giặt, tủ lạnh, máy lạnh...) còn thấp, dưới 40%.



90 triệu dân số trẻ và có xu hướng gia tăng tiêu dùng qua mỗi năm.



Quy mô thị trường hơn 60 tỷ USD, chiếm 60% tổng giá trị thị trường bán lẻ hàng hóa tại Việt Nam. Hơn 90% thị phần đang nắm giữ bởi Chợ truyền thống và cửa hàng nhỏ lẻ. Chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia chiếm lĩnh thị phần ở phân khúc siêu thị mini.



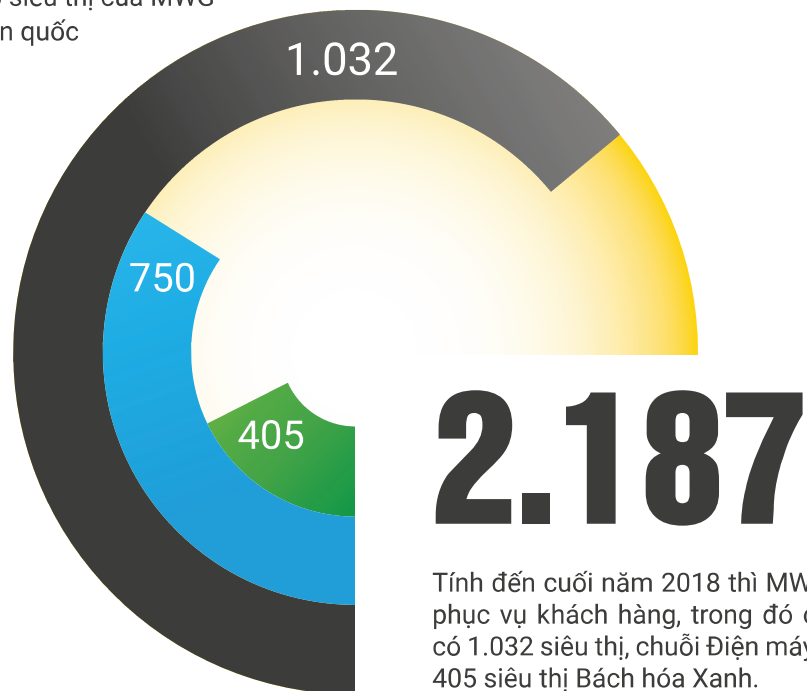
Mua sắm Online là xu hướng tiêu dùng tương lai. Cơ hội tăng trưởng mảng Online rất lớn với mô hình đa kênh (Omni channel) dành cho nhà bán lẻ có chuỗi cửa hàng rộng khắp.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2018

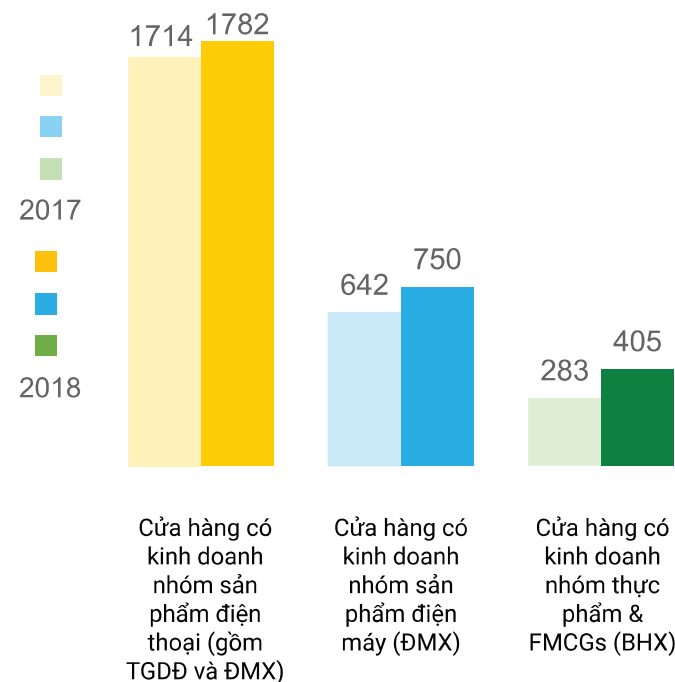
Năm 2018, nhờ những nỗ lực mạnh mẽ, tập đoàn Thế Giới Di Động đã cán mốc doanh thu 3,7 tỷ đô la, giữ vững vị trí Nhà bán lẻ có doanh số lớn nhất Việt Nam.

Chỉ tiêu	Thực tế 2018	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2017	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	86.516	86.390	100%	66.340	30%
Lợi nhuận sau thuế	2.880	2.603	111%	2.207	31%

Tổng số siêu thị của MWG trên toàn quốc

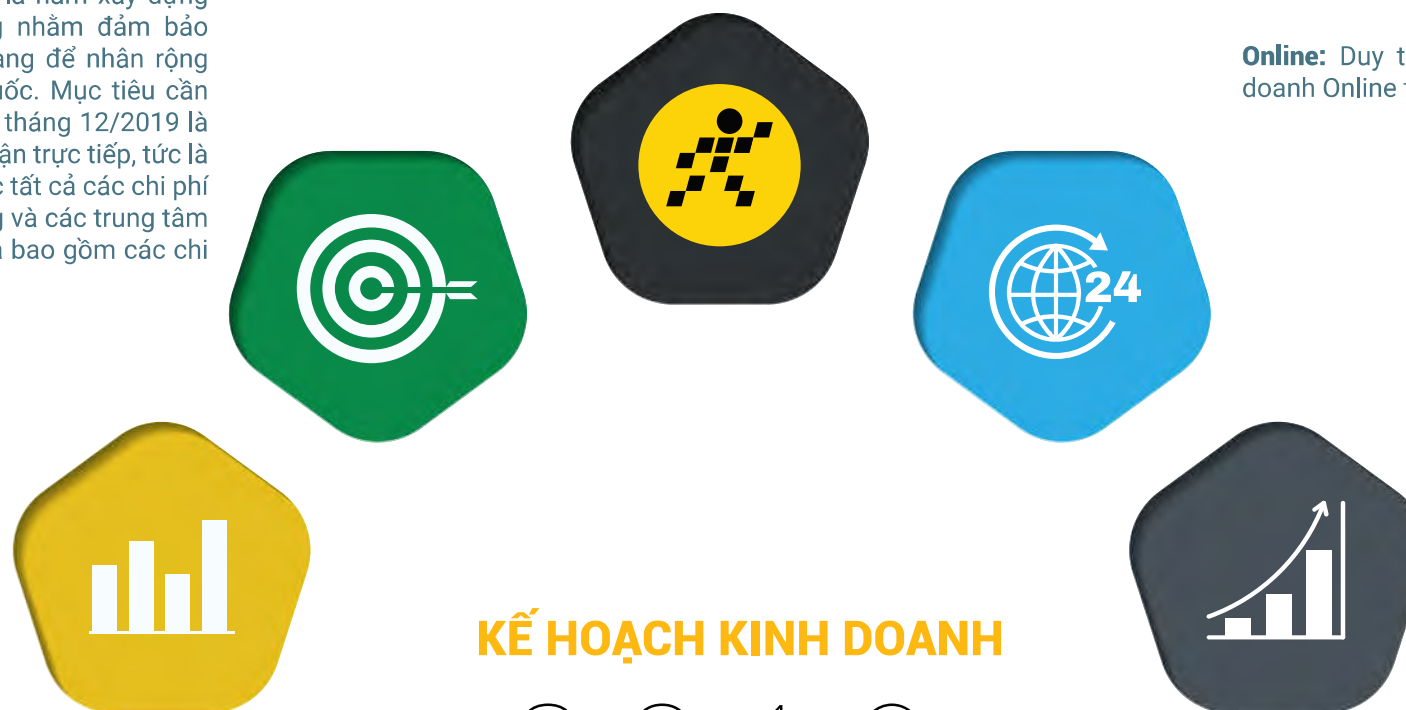


SỐ LƯỢNG CỬA HÀNG THEO SẢN PHẨM KINH DOANH



Bách Hóa Xanh: 2019 là năm xây dựng nền móng quan trọng nhằm đảm bảo cho chuỗi BHX sẵn sàng để nhân rộng mạnh mẽ trên toàn quốc. Mục tiêu cần đạt được trễ nhất cuối tháng 12/2019 là BHX bắt đầu có lợi nhuận trực tiếp, tức là bù đắp hoàn toàn được tất cả các chi phí hoạt động tại cửa hàng và các trung tâm phân phối, nhưng chưa bao gồm các chi phí ở cấp độ công ty.

Online: Duy trì vị thế dẫn đầu về kinh doanh Online tại Việt Nam.



KẾ HOẠCH KINH DOANH

2019

TGDD và **ĐMX:** Hoạt động bán lẻ sản phẩm điện thoại, điện máy vẫn là nguồn đóng góp doanh thu và lợi nhuận chủ yếu cho MWG. Trong đó, ngành hàng điện máy đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của MWG, hướng đến mục tiêu chiếm khoảng 40% thị phần. Ngành hàng điện thoại tiếp tục duy trì thị phần dẫn đầu và mức tăng trưởng tích cực so với thị trường.

DOANH THU THUẦN HỢP NHẤT	TỶ ĐỒNG	TĂNG TRƯỞNG
108.468		25%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT	TỶ ĐỒNG	TĂNG TRƯỞNG
3.571		24%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Đức Tài
Đồng sáng lập viên
Chủ tịch HĐQT
Kiêm Tổng Giám Đốc

- Tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP. HCM ngành Tài chính - Kế toán
- Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh tại Học viện Quản trị CFVG.
- Lần lượt năm giữ các vị trí chủ chốt của Công ty như Tài chính Kế toán, Kinh doanh Tiếp thị, Cung ứng Hậu cần, mở rộng mạng lưới cửa hàng, Quản lý điều hành chung.



Ông Trần Kinh Doanh
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế TP. HCM
- Từng giữ nhiều vị trí then chốt trong khối Phát triển kinh doanh từ năm 2007.
- Đưa hệ thống thegioididong.com, Điện Máy Xanh có mặt ở 63 tỉnh thành.
- 2013 - Thành viên HD Quản trị
- 2014 - 09/2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Thế Giới Di Động
- 2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CPTM Bách Hóa Xanh



Ông Trần Lê Quân
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội đồng Quản Trị

- Kỹ sư Viễn thông
- Người đặt những nền tảng đầu tiên của Công ty
- Giám đốc Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2004 - 2007
- Hiện nay: Thành viên HD Quản trị Độc lập - không Điều hành.



Ông Điều Chính Hải Triều
Đồng sáng lập viên
Thành viên Hội đồng Quản Trị

- Cử nhân ngành Công nghệ Thông tin, ĐH Khoa học Tự nhiên.
- Người đặt những nền tảng đầu tiên cho hệ thống Công nghệ Thông tin của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Thomas Lanyi
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Áo
- Giám đốc CDH Investment Advisory Pte Ltd.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị



Ông Robert Willett
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

- Quốc tịch Anh
- Cựu Giám đốc Điều hành BestBuy International.
- Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Cố vấn Cao cấp của Công ty từ tháng 4/2013



Ông Đặng Minh Lượm
Thành viên Hội đồng Quản Trị

- Tốt nghiệp ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành QT nhân sự
- Giám đốc Nhân sự Công ty CP Thế Giới Di Động từ năm 2007.
- Thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 05/2014.
- Chức vụ: Giám đốc Nhân sự của Công ty Thế Giới Di Động.



Ông Trần Kinh Doanh
Chủ tịch HĐQT điều hành
C.ty CPTM Bách Hóa Xanh



Ông Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc Công ty
CP Thế Giới Di Động



Ông Nông Văn Dũng
Tổng Giám đốc Công ty
CPTM Bách Hóa Xanh



Ông Phạm Văn Trọng
Giám đốc Công ty TNHH
MTV CNTT Thế Giới Di Động



Ông Đặng Minh Lượm
Giám đốc nhân sự



Ông Đỗ Tuấn Anh
Giám đốc Cung ứng Hậu cần



Ông Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Bà Lê Thảo Trang
Giám đốc Marketing



Ông Đoàn Trung Hiếu
Giám đốc Xây dựng Bảo trì
và Dịch vụ Sau Bán hàng



Ông Bùi Ngọc Tín
Giám đốc khối CNTT



Bà Hoàng Khánh Chi
Giám đốc
Chăm sóc Khách hàng



Bà Lê Thị Thu Trang
Giám đốc
Đầu tư & QH Cổ đông

BAN GIÁM ĐỐC



BAN KIỂM SOÁT



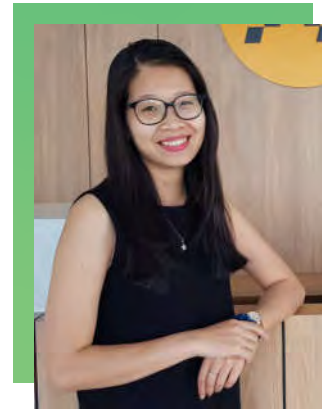
Ông Trần Huy Thanh Tùng
Trưởng Ban Kiểm soát

- Từng giữ chức vụ Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính của Công ty từ năm 2007 đến năm 2013.
- Trưởng ban Kiểm soát của Công ty vào cuối năm 2013



Ông Hoàng Hữu Hưng
Thành viên

- Từng giữ chức vụ Phó phòng Kiểm soát, Quyền Trưởng phòng Kiểm toán Công ty KPMG Việt Nam
- Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động
- Được Đại hội Cổ đông thường niên bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát - Nhiệm kỳ 2017 - 2020



Bà Đỗ Thị Loan
Thành viên

- Cử nhân Kế toán Trường ĐH Thủy sản Nha Trang
- Cử nhân Luật Trường ĐH Luật TP. HCM
- Được bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động từ tháng 3 năm 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 21 MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
- 22 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đóng góp cộng đồng

Ngoài nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, các cam kết với nhà đầu tư, chúng tôi còn quan tâm đến các hoạt động ngoại khóa dành cho tập thể nhân viên, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

MWG luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản Bảo hiểm bắt buộc cho toàn bộ nhân viên Công ty.

Bên cạnh đó, thông qua các buổi chia sẻ kinh nghiệm cởi mở của các thành viên Ban giám đốc về các kỹ năng Quản trị Công ty như Hệ thống Quản trị ERP, nhân sự, Xây dựng văn hóa doanh nghiệp... chúng tôi muốn chia sẻ thành công mà MWG đang có được và truyền lửa đam mê đến các doanh nhân trẻ, các start-up để giúp họ tiết kiệm thời gian tìm hiểu, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bộ phận quan hệ lao động, Công đoàn Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của Nhân viên ở tất cả các cấp, các bộ phận nhằm tháo gỡ những vướng mắc, kịp thời hỗ trợ, kêu gọi giúp đỡ các gia cảnh khó khăn.

Tiết kiệm năng lượng

Song song đó, chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động và vận động nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng tại văn phòng công ty và toàn hệ thống siêu thị trên khắp cả nước.

Tất cả các siêu thị đều được trang bị các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường như vật liệu có khả năng tái chế, đèn led, thiết bị cảm ứng hẹn giờ bật tắt điện tự động, đáp ứng đầy đủ yêu cầu Phòng cháy chữa cháy...

Kể từ năm 2013, các siêu thị của MWG đều được lắp đặt bộ cảm biến quang tự động bật đèn bảng hiệu, vào lúc 18 giờ hoặc khi trời đủ tối và tự tắt vào 22 giờ mỗi ngày.

Ngoài ra, nhằm tối ưu hiệu quả tiết kiệm điện năng trong toàn hệ thống và nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng, công ty thiết kế hệ thống tự động mở đèn, máy lạnh vào 7 giờ và tắt vào 23 giờ mỗi ngày tại các siêu thị.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tại MWG, chúng tôi quan niệm rằng: “Một con thuyền không thể ra khơi nếu không có người chèo lái và càng không thể vươn ra biển lớn mà không có thủy thủ đoàn đi cùng, cả có nhiều có nhiều hay không cũng cần phải có nhiều người cùng nhau hợp sức.”

Thu hút nhân tài

MWG luôn thu hút và chào đón tất cả những ứng viên mong muốn gia nhập đội ngũ MWG với sứ mệnh Phục vụ khách hàng và luôn yêu thương hỗ trợ đồng đội.

MWG luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo và không ngừng phát triển với lộ trình thăng tiến công bằng, rõ ràng.

Môi trường làm việc hiện đại và gắn kết

MWG hướng tới môi trường làm việc mở, tại đây mọi nhân viên được tự do sáng tạo trong công việc, được phát triển tốt với các thông tin minh bạch, chính sách thưởng phạt công bằng, thu nhập hấp dẫn luôn tạo động lực cho mọi nhân viên phấn đấu.

Ngoài công việc, MWG cũng luôn quan tâm đến đời sống và tâm tư của nhân viên, các hoạt động thể thao và thi đua được tổ chức hằng năm và được tất cả các nhân viên của MWG hào hứng tham gia và ủng hộ: Giải MWG Cup dành cho Khối Hỗ Trợ HCM, Giải đá banh liên đoàn, các hoạt động chào mừng 8/3, Trung thu, Giáng Sinh...

Cuối năm 2018, Công ty chính thức chuyển về “Ngôi nhà mới” với không gian làm việc vô cùng thân thiện, hiện đại nhằm phát huy khả năng sáng tạo tối đa của những người trẻ, tăng hiệu quả công việc và sự gắn bó, kết nối giữa các phòng ban trong Công ty.

Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực hiệu quả

Tinh thần học hỏi luôn được đề cao tại MWG, chúng tôi thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo dành cho nhân viên mới, các chương trình Huấn luyện kết hợp dã ngoại,

nâng cao nghiệp vụ và đào tạo kỹ năng mềm, chăm sóc khách hàng cũng như các khóa học dành cho đội ngũ quản lý văn phòng, ngoài ra còn có các khóa học dành riêng cho đội ngũ bán hàng và kiểm tra qua E-learning nhằm giúp nhân viên chủ động trong việc tìm hiểu và cập nhật kiến thức sản phẩm.

Tại MWG, “99% đội ngũ quản lý của công ty thăng tiến từ nội bộ công ty”, chúng tôi luôn muốn mọi nhân viên tại MWG có lộ trình thăng tiến khoa học và phát triển bằng cách không ngừng học hỏi, và sáng tạo trong công việc.

Năm 2018 MWG vinh dự nhận giải thưởng hàng đầu về Nhân sự - HR Award 2018:

Quản lý hiệu quả công việc

Thu hút nhân tài hiệu quả

Môi trường làm việc tốt:

Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực hiệu quả

Ngoài ra, MWG còn đạt được giải thưởng cao nhất trong bảng B: DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC CÓ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ HIỆU QUẢ





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 24 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 27 Báo cáo của Ban kiểm soát
- 28 Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018

- Hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2018 với kết quả thực hiện là 86.516 tỷ đồng doanh thu và 2.880 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 100% kế hoạch về doanh thu và 111% kế hoạch về lợi nhuận sau thuế của năm 2018, tương đương với mức tăng trưởng doanh thu là và tăng trưởng lợi nhuận sau thuế lần lượt là 30% và 31% so với thực hiện năm 2017.
- Hoạt động kinh doanh online tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc 123% so với kế hoạch doanh thu online 2018 và 116% so với kết quả thực hiện năm 2017, đạt 12.350 tỷ đồng.
- Nâng tổng số siêu thị đang hoạt động của MWG từ 1.997 cuối năm 2017 lên 2.197 cuối năm 2018 bao gồm: 1.032 siêu thị Thế Giới Di Động, 750 siêu thị Điện Máy Xanh, 405 siêu thị Bách Hoá Xanh và 10 siêu thị Bigphone.
- Tiếp tục triển khai việc chuyển đổi các siêu thị từ TGDĐ thành ĐMX mini hoặc ĐMX và nâng cấp các siêu thị từ ĐMX mini thành ĐMX. Mục đích của việc chuyển đổi cửa hàng là tăng doanh số thông qua nỗ lực mở rộng diện tích để kinh doanh thêm nhóm sản phẩm điện máy tại các cửa hàng TGDĐ đang có doanh thu cao và nằm ở các khu vực mà chuỗi bán lẻ điện máy hiện đại còn chưa phủ dày đặc. Điều này giúp các cửa hàng sau khi chuyển đổi đạt mức tăng trưởng doanh thu trung bình 50% so với trước khi chuyển đổi.
- Doanh thu của chuỗi Bách Hoá Xanh năm 2018 đạt trên 4.270 tỷ đồng, gấp 3 lần doanh thu năm 2017. Bách Hoá Xanh đã hoàn thành mục tiêu hoà vốn EBITDA (lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao) ở cửa hàng cuối tháng 12/2018.

BGD và toàn thể nhân viên tiếp tục đồng thuận và mạnh mẽ sống với văn hoá Đặt Khách Hàng Làm Trọng Tâm trong mọi suy nghĩ và hành động, đem đến cho khách hàng trải nghiệm và dịch vụ vượt trội.

Vinh dự nhận được ghi nhận từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như:

- Doanh nghiệp xuất sắc nhất tại Vietnam HR Award năm 2018 với các giải thưởng “Thu hút nhân tài hiệu quả”, “Quản lý công việc hiệu quả”, “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiệu quả”, “Môi trường làm việc hiệu quả” và giải thưởng cao nhất “Doanh nghiệp xuất sắc nhất – The Best Winner 2018”.
- Á quân trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2018 do Tạp Chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh
- Đứng thứ 2 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trong bảng xếp hạng VNR 500 năm 2018.
- Đứng thứ 70 trong Top 500 nhà bán lẻ nhà bán lẻ lớn nhất Châu Á – Thái Bình Dương (Top 5000 Retailers in Asia – Pacific), là công ty Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 100 nhà bán lẻ hàng đầu.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2018:

Chỉ tiêu	Thực tế 2018	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2017	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	86,516	86,390	100%	66,340	30%
Lợi nhuận trước thuế					
Lợi nhuận sau thuế	2,880	2,603	111%	2,207	31%

Chi tiết Báo cáo tài chính 2018 đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.mwg.vn

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018**Các buổi họp của Hội đồng Quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	10	100%
2	Trần Lê Quân	Thành viên	10	100%
3	Trần Kinh Doanh	Thành viên	10	100%
4	Đieu Chính Hải Triều	Thành viên	10	100%
5	Robert Willett	Thành viên	10	100%
6	Thomas Lanyi	Thành viên	10	100%
7	Đặng Minh Lượm	Thành viên	10	100%

(Thành viên độc lập: 3/7, Thành viên không điều hành 4/7)

Thông qua các buổi họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung
1	0101/NQ/HĐQT-2018	05/01/2018	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành riêng lẻ
2	0104/NQ/HĐQT-2018	05/04/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2017
3	0204/NQ/HĐQT-2018	09/04/2018	Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ cho công ty con
4	0304/NQ/HĐQT-2018	26/04/2018	Nghị quyết HĐQT về việc cấp khoản vay có quyền chuyển đổi thành cổ phần
5	0308/NQ/HĐQT-2018	21/08/2018	Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ tại công ty con
6	0110/NQ/HĐQT-2018	08/10/2018	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
7	05/NQ/HĐQT-2018	21/11/2018	Nghị quyết HĐQT về việc tăng vốn điều lệ cho CTCP Thương mại Bách Hóa Xanh
8	07/2018/HĐQT/NQ-MWG	29/11/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua hồ sơ chuẩn bị phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của công ty
9	06/2018/HĐQT/NQ-MWG	29/11/2018	Nghị quyết HĐQT về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của công ty
10	0112/2018/HĐQT/NQ-MWG	21/12/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019

Nhờ đó, tập thể Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG) đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông trong năm 2018 giao phó.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

- Tập trung đôn đốc, giám sát việc triển khai kế hoạch để hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm 2019
- Phối hợp với Ban Kiểm soát tăng cường việc giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban Giám đốc để cùng đưa Công ty từng bước chuyên nghiệp theo quy chuẩn của một Công ty đại chúng.
- Tiếp tục tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ và bất thường để lắng nghe kiến nghị của Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành, từ đó HĐQT đưa ra những quyết nghị thiết thực và hiệu quả cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Chỉ tiêu	Thực tế 2018	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ hoàn thành	Thực tế 2017	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	86.516	86.390	100,1%	66.340	30,4%
Lợi nhuận trước thuế	3.786	3.451	109,7%	2.809	34,8%
Lợi nhuận sau thuế	2.880	2.603	110,7%	2.207	30,5%
Tồn kho	17.446			12.050	
Tài sản ngắn hạn khác	5.926			6.813	
Tài sản dài hạn	4.751			3.960	
Tổng tài sản	28.123			22.823	
Phải trả người bán	8.245			7.373	
Nợ ngắn hạn khác	9.685			8.341	
Vốn chủ sở hữu	8.983			5.909	
Nợ dài hạn khác	1.210			1.200	
Tổng tài sản	28.123			22.823	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BKS

Ban kiểm soát có 3 thành viên như sau:

STT	Họ & tên	Chức danh
1	Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
2	Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
3	Đỗ Thị Loan	Thành viên

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong năm 2018.
- Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Trong năm 2018 Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2018. Cũng như hoạt động của HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát không nhận thù lao và hoạt động của Ban Kiểm Soát không phát sinh bất kỳ chi phí hoạt động nào.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BKS

A. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Các nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã triển khai và thực hiện đầy đủ:
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ 15% (1.500VND/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu.
- Phát hành cổ tức bằng cổ phiếu là 3:1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tại

thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm)

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động: MWG đã hoàn tất việc phát hành 12.729.511 cổ phần (tương đương 3% cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành) cho 3.830 người lao động vào tháng 12/2018.
- Tăng vốn đầu tư cho Chuỗi Bách Hóa Xanh lên 2.630 tỷ đồng phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh Bách Hóa Xanh.
- Tăng vốn đầu tư cho Công ty TNHH MTV CNTT Thế Giới Di Động lên 500 tỷ đồng.

B. Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của HĐQT và BGD

- Trong năm 2018, HĐQT đã họp 4 lần, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ đúng quy định điều lệ Công ty.
- Tuân thủ nghiêm các điều lệ của MWG và pháp luật.
- Tập trung tăng tốc mở mới các siêu thị trên toàn quốc, tăng độ phủ thị trường.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu.

Kết luận:

HĐQT đã thực hiện hợp lệ Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ theo đúng thẩm quyền, nội dung các Nghị quyết này tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.

C. Giám sát tình hình tài chính

- BKS đồng ý với ý kiến của công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young về báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành.

Tổng quan số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đơn vị tính: tỷ đồng)

Báo cáo KQHĐKD	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	86.516	66.340	30.4%
Lợi nhuận trước thuế	3.786	2.809	34.8%
Lợi nhuận sau thuế	2.880	2.207	30.5%



Bảng cân đối kế toán	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản ngắn hạn	23.372	18.863
Tài sản dài hạn	4.751	3.960
Tổng tài sản	28.123	22.823
Nợ ngắn hạn	17.930	15.714
Nợ dài hạn	1.210	1.200
Nợ phải trả	19.140	16.914
Vốn chủ sở hữu	8.983	5.909
Tổng nguồn vốn	28.123	22.823

• Các chỉ số kết quả doanh thu và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt chỉ tiêu do ĐHCĐ phê duyệt.

D. Giám sát tình hình hoạt động

1. Hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro năm 208 của Công ty đã có sự phát triển đáng kể và gắn bó chặt chẽ hơn với hoạt động kinh doanh. BKS đã tham gia các đầy đủ các cuộc họp với Ban giám đốc và các cấp quản lý trực tiếp đánh giá rủi ro cấp Công ty và rủi ro liên quan đến quy trình của các phòng ban cũng như thường xuyên trao đổi và đóng góp ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty.

2. Hoạt động kiểm tra của phòng kiểm soát nội bộ

Phòng kiểm soát nội bộ vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BGD. Kiểm soát nội bộ có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để thực hiện kiểm toán. Kiểm soát nội bộ cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT và BKS để báo cáo về các kết quả kiểm toán

Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy định

BKS nhận thấy không có rủi ro trọng yếu trong hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các nhân viên và quản lý Công ty. Trong năm 2018, các phát hiện kiểm toán đã được xác định trách nhiệm và đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân liên quan, giúp nâng cao đáng kể ý thức về tuân thủ của các cấp quản lý và nhân viên. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của kiểm soát nội bộ cũng được các khối điều hành trong Công ty triển khai đầy đủ.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

BKS sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra giám sát thông qua kiểm soát nội bộ, Kiểm toán độc lập và các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS.

1. Kiểm soát nội bộ

Phòng kiểm soát nội bộ sẽ tiếp tục kiểm tra dựa trên danh mục rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với những rủi ro kinh doanh quan trọng nhất. Phạm vi kiểm toán sẽ được mở rộng nhiều hơn nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của các nhân viên và quản lý toàn Công ty.

2. Giám sát hoạt động của HĐQT và BGD

- Tham gia các cuộc họp định kỳ với HĐQT, BGD và giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Đảm bảo mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BGD phù hợp với điều lệ của công ty và Luật pháp Việt Nam.
- Giám sát hoạt động kinh doanh công ty đi đúng theo chiến lược kinh doanh đã trình trong đại hội.

3. Kiểm toán độc lập

BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập, chủ động giám sát chất lượng và cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

1. CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
I Nguyễn Đức Tài							
1	Nguyễn Đức Tài		8.199.844	2,54%	8.299.844	2,57%	Mua
II Trần Huy Thanh Tùng							
1	Trần Huy Thanh Tùng		4.488.614	1,39%	4.488.614	1,39%	
III Điều Chính Hải Triều							
1	Điều Chính Hải Triều		2.857.510	0,88%	2.857.510	0,88%	
IV Trần Kinh Doanh							
1	Trần Kinh Doanh		2.554.320	0,81%	2.000.000	0,63%	Bán
V Vũ Đăng Linh							
1	Vũ Đăng Linh		222.058	0,07%	214.058	0,07%	Bán
2	Vũ Đăng Linh		214.058	0,07%	194.058	0,06%	Bán
VI Lý Trần Kim Ngân							
1	Lý Trần Kim Ngân		113.722	0,04%	113.722	0,04%	
VII Nguyễn Thị Thu Thảo Em gái							
1	Nguyễn Thị Thu Thảo		167.176	0,05%	137.176	0,04%	Bán
VIII Nguyễn Thị Thu Tâm Em gái							
1	Nguyễn Thị Thu Tâm		120.864	0,04%	91.444	0,03%	Bán

1. CHI TIẾT GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ NGƯỜI LIÊN QUAN (TT)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
IX	Trần Huy Thanh Đại	Em trai					
1	Trần Huy Thanh Đại		37.314	0,01%	27.314	0,01%	Bán
X	Trần Huy Đông	Em trai					
1	Trần Huy Đông		32.049	0,01%	22.049	0,01%	Bán
XI	Phan Thị Thu Hiền	Vợ					
1	Phan Thị Thu Hiền		2.199.890	0,68%	2.199.890	0,68%	
XII	Nguyễn Xuân Đoài	Vợ					
1	Nguyễn Xuân Đoài		1.829.264	0,57%	1.829.264	0,57%	
XIII	Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ					
1	Nguyễn Thị Thu Hương		1.598.366	0,49%	1.598.366	0,49%	
XIV	Đặng Minh Lượm						
1	Đặng Minh Lượm		597.968	0,19%	597.968	0,19%	
XV	CDH Electric Bee Limited						
1	CDH Electric Bee Limited		1.239.624	0,40%	-	0,00%	Bán
XVI	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD						
1	MEKONG ENTERPRISE FUND II, LTD		5.000.000	1,55%	-	0,00%	Bán
XVII	NTASIAN DISCOVERY MASTER FUND						
1	NTASIAN DISCOVERY MASTER FUND		11.952.500	3,70%	11.952.500	3,70%	
XVIII	Robert Alan Willett						
1	Robert Alan Willett		2.415.106	0,75%	2.000.106	0,62%	Bán
XIX	PYN ELITE FUND						
1	PYN ELITE FUND		14.335.036	4,44%	14.335.036	4,44%	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (tt)

2. THÙ LAO

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

	Mức thù lao đã được ĐHCĐ thường niên 2018 thông qua	Mức thù lao thực tế chi trả
Thành viên HĐQT không tham gia điều hành	2.820.000.000 đồng	2.308.000.000 đồng
Thành viên Ban Kiểm soát	0 đồng	0 đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH (tt)

3. THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập	21.435.819	4,83	4		4
	Trong nước	21.435.819	4,83	4		4
	Nước ngoài					
2	Các quỹ đầu tư trước niêm yết	-	-	-		
	Trong nước					
	Nước ngoài					
3	Các nhà đầu tư lớn (trên 5%)	90.151.445	20,33	-		
	Trong nước	90.151.445	20,33			
	Nước ngoài	-	-			
4	Quản lý và Nhân viên MWG	58.815.943	13,26	3765		3765
	Trong nước	58.815.943	13,26			
	Nước ngoài					
5	Các nhà đầu tư khác	272.723.686	61,49	7544	207	7337
	Trong nước	55.410.561	12,49	7386	82	7304
	Nước ngoài	217.313.125	49,00	158	125	33
6	Cổ phiếu quỹ	369.285	0,08			
	TỔNG CỘNG	443.496.178	100			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 33 Thông tin chung
- 34 Báo cáo của Ban giám đốc
- 35 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 36 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 38 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 39 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 41 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KHĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, một (1) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Lê Quân	Thành viên
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Chris Freund	Thành viên
Ông Thomas Lanyi	Thành viên
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên
Ông Robert Willet	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Khánh Vân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Tài.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và

Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó

phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 19 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61110221/19356378-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 19 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban



Ernst & Young Vietnam limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán

số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đặng Minh Tài

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán

Số: 2815-2019-004-1

Ngày 19 tháng 02 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B01-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.371.994.756.394	18.862.861.306.281
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	3.749.550.258.212	3.410.983.351.393
111	1. Tiền		3.363.717.276.954	2.189.863.295.952
112	2. Các khoản tương đương tiền		385.832.981.258	1.221.120.055.441
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	50.922.451.739	-
123	1. Đầu tư nắm đến ngày đáo hạn giữ		50.922.451.739	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.542.529.736.073	2.765.847.815.554
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	369.573.657.457	1.431.776.840.141
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	21.007.291.749	117.942.038.760
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	84.700.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.151.948.786.867	1.131.428.936.653
140	IV. Hàng tồn kho	10	17.446.005.298.981	12.050.162.650.982
141	1. Hàng tồn kho		17.821.137.643.753	12.309.955.461.929
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(375.132.344.722)	(259.792.810.947)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		582.987.011.389	635.867.488.352
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	283.034.716.902	338.169.643.457
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		298.109.345.560	297.598.157.759
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		1.842.948.927	99.687.136

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	A. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.750.536.730.462	3.959.802.908.939
210	I. Phải thu dài hạn		313.775.645.332	242.115.970.118
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	313.775.645.332	242.115.970.118
220	II. Tài sản cố định		3.333.147.659.602	3.463.657.994.935
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	3.304.923.529.470	3.435.848.333.299
222	Nguyên giá		5.788.326.331.676	4.832.699.906.378
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.483.402.802.206)	(1.396.851.573.079)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	28.224.130.132	27.809.661.636
228	Nguyên giá		33.838.423.144	32.779.467.144
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.614.293.012)	(4.969.805.508)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		256.831.997.207	35.457.406.785
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	256.831.997.207	35.457.406.785
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		59.937.763.115	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17	59.937.763.115	
260	V. Tài sản dài hạn khác		786.843.665.206	218.571.537.101
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	84.768.088.475	97.701.063.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	149.548.727.665	120.870.473.608
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.122.531.486.856	22.822.664.215.220

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-DN/HN

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.139.496.155.514	16.913.747.880.005
310	I. Nợ ngắn hạn		17.929.433.003.626	15.713.814.885.175
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	8.244.614.243.810	7.373.229.669.492
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		38.061.594.053	22.475.498.439
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	217.699.643.883	137.421.612.285
314	4. Phải trả người lao động		149.774.991.802	133.725.111.318
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	2.173.064.879.414	1.585.372.350.657
319	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	1.208.214.263.090	807.310.112.729
320	7. Vay ngắn hạn	23	5.836.454.637.089	5.603.505.990.526
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		56.568.632.732	45.824.539.729
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.980.117.753	4.950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.210.063.151.888	1.199.932.994.830
338	1. Vay dài hạn	23	1.208.167.140.389	1.199.932.994.830
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	1.896.011.499	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.983.035.331.342	5.908.916.335.215
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.983.035.331.342	5.908.916.335.215
411	1. Vốn cổ phần	24.1	4.434.961.780.000	3.169.884.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.434.961.780.000	3.169.884.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	551.451.995.486	36.717.698.286
414	3. Vốn khác	24.1	1.130.494.084	1.130.494.084

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
415	4. Cổ phiếu quỹ	24.1	(808.864.500)	(79.164.500)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	446.572.898	(86.063.365)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	3.989.603.910.055	2.698.572.748.459
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa được phân phối năm trước		1.138.290.716.709	461.763.398.338
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa được phân phối năm nay		2.851.313.193.346	2.236.809.350.121
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.249.443.319	2.776.252.251
440	D. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.122.531.486.856	22.822.664.215.220

Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 19 tháng 2 năm 2019

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-DN/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	87.738.378.978.636	67.698.540.686.709
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(1.222.091.976.137)	(1.358.736.494.531)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	86.516.287.002.499	66.339.804.192.178
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(71.224.159.239.435)	(55.198.024.925.235)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.292.127.763.064	11.141.779.266.943
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	342.083.875.229	250.509.808.127
22	7. Chi phí tài chính	26	(436.573.150.236)	(234.286.596.275)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(436.416.577.674)</i>	<i>(233.202.340.492)</i>
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	17	(2.100.986.885)	-
25	9. Chi phí bán hàng	27, 29	(9.659.741.188.756)	(7.017.061.321.366)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 29	(1.761.613.900.080)	(1.345.497.381.559)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.774.182.412.336	2.795.443.775.870
31	12. Thu nhập khác		33.233.337.382	17.684.643.400
32	13. Chi phí khác		(21.097.180.800)	(3.816.386.624)
40	14. Lợi nhuận khác		12.136.156.582	13.868.256.776

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.786.318.568.918	2.809.312.032.646
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(933.836.738.446)	(639.743.605.453)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	27.827.229.661	37.328.692.156
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.880.309.060.133	2.206.897.119.349
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2.878.724.130.907	2.205.679.630.420
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.584.929.226	1.217.488.929
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	6.689	5.311
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	6.689	5.311

Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 19 tháng 2 năm 2019

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-DN/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		3.786.318.568.918	2.809.312.032.646
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13 14 18	1.222.868.683.717	689.713.708.632
03	Các khoản dự phòng		126.083.626.828	125.969.042.598
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(107.059.306)	911.764.559
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(84.857.279.584)	(35.336.741.307)
06	Chi phí lãi vay	26	436.416.577.674	233.202.340.492
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.486.723.118.247	3.823.772.147.620
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.246.646.823.981	(1.322.949.244.960)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.672.944.194.460)	(2.796.297.892.101)
11	Tăng các khoản phải trả		1.331.042.865.781	3.970.336.761.157
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		126.753.313.780	(96.805.747.662)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
14	Tiền lãi vay đã trả		(427.564.376.510)	(223.723.867.627)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(829.523.019.750)	(690.668.199.572)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.261.134.531.069	2.663.663.956.855
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.495.931.919.038)	(2.065.069.567.410)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.339.965.525	180.000.000
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(85.922.451.739)	(210.280.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	125.580.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(828.166.470.141)	-
27	Lãi tiền gửi		64.286.835.061	29.374.580.928
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(2.344.394.040.332)	(2.120.214.986.482)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-DN/HN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu Vốn góp của cổ đông không kiểm soát		703.840.247.200 1.514.820.000	92.226.480.000 240.000.000
32	Mua lại cổ phiếu		(729.700.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		31.893.805.156.672	29.465.789.268.692
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(31.690.848.740.269)	(27.456.000.269.116)
36	Cổ tức đã trả		(485.862.426.827)	(231.718.927.130)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		421.719.356.776	1.870.536.552.446

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		338.459.847.513	2.413.985.522.819
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.410.983.351.393	996.983.462.012
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		107.059.306	14.366.562
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		3.749.550.258.212	3.410.983.351.393

Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 19 tháng 2 năm 2019

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH & ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan; và bán lẻ tại các cửa hàng của Nhóm công ty bao gồm các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thực phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 40.756 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 36.806).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có năm (5) công ty con. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại thực phẩm	Đang hoạt động	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,33	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	Trước hoạt động	100	100
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Phnom Penh, Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	99,95



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị kỹ thuật số điện tử	- Giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thực phẩm, đồ uống	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3.5 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.6 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

3.9 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Lợi thế thương mại	10 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một

khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm

Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện có liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 5 tháng 1 năm 2018, Công ty đã mua 23.608.706 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh ("TAG"), tương đương 95,15% tỷ lệ sở hữu trong TAG từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá phí là 825.179.755.154 VND. Theo đó, TAG đã trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của TAG vào ngày mua được trình bày như sau:

Chi tiêu	VND Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	55.270.830.566
Các khoản phải thu ngắn hạn	64.091.855.378
Hàng tồn kho	838.237.987.364
Tài sản ngắn hạn khác	63.062.287.272
Các khoản phải thu dài hạn	54.099.652.231
Tài sản cố định	110.412.301.088
Tài sản dài hạn khác	43.432.795.149
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	887.144.337.341
Vay	118.386.375.724
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.044.987.103
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	222.032.008.880
Cổ đông không kiểm soát	(10.770.974.911)
Lợi thế thương mại (<i>Thuyết minh số 18</i>)	613.918.721.185
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	825.179.755.154

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

Từ ngày 12 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua thêm 1.001.635 cổ phiếu, tương đương 4,04% tỷ lệ sở hữu trong TAG từ các cổ đông không kiểm soát với giá phí là 35.117.847.646 VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 95,15% lên 99,19%. Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của TAG vào ngày giao dịch là 26.626.775.847 VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 5 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 18.302 cổ phiếu, tương đương 0,09% tỷ lệ sở hữu trong TAG từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 99,19% lên 99,27%. Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của TAG vào ngày giao dịch là 463.254.186 VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2018, TAG đã mua lại 14.300 cổ phiếu từ các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong TAG từ 99,27% lên 99,33%. Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của TAG vào ngày giao dịch là 320.907.528 VND đã được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tiền gửi ngân hàng trị giá 52.507.957.372 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại một ngân hàng thương mại (Thuyết minh 23.2).

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4%/năm đến 5,5%/năm.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng	1.475.214.891.085	1.092.388.965.114
Tiền đang chuyển	1.787.504.805.657	1.056.051.622.599
Các khoản tương đương tiền (*)	100.997.580.212	41.422.708.239
TỔNG CỘNG	3.749.550.258.212	3.410.983.351.393

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn từ ba (3) tháng đến một (1) năm và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 7%/năm đến 7,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	369.573.657.457	517.724.233.322
- Công ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	142.746.694.060	174.547.697.188
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	121.475.120.993	131.990.737.564
- Các bên khác	105.351.842.404	211.185.798.570
- Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	914.052.606.819
TỔNG CỘNG	369.573.657.457	1.431.776.840.141

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	19.882.739.814	83.540.982.672
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.124.551.935	34.401.056.088
TỔNG CỘNG	21.007.291.749	117.942.038.760

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các nhà cung cấp (i)	1.090.399.532.158	1.063.322.385.503
- Công Ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	229.314.874.870	165.911.189.875
- Công ty TNHH Samsung Điện tử Việt Nam Thái Nguyên	210.678.174.261	199.279.645.229
- Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex	99.270.165.996	148.882.415.172
- Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	89.527.581.160	105.853.512.073
- Công ty Apple South Asia Pte Ltd	84.205.741.617	111.229.422.686
- Khác	377.402.994.254	332.166.200.468
Phải thu nhân viên	13.260.843.199	10.142.324.918
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	5.515.383.167
Các khoản phải thu khác	48.288.411.510	52.448.843.065
TỔNG CỘNG	1.151.948.786.867	1.131.428.936.653

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị điện tử	8.093.520.536.583	5.227.298.028.691
Điện thoại di động	5.575.201.490.528	4.128.119.091.434
Thiết bị gia dụng	1.854.149.173.341	1.228.030.161.503
Phụ kiện	851.177.889.554	761.201.669.164
Máy tính xách tay	331.470.400.564	283.325.343.909
Máy tính bảng	230.987.789.548	194.501.360.792
Thẻ cào	140.104.491.868	104.188.200.292
Hàng đang chuyển	9.011.116.270	16.338.976.130
Thực phẩm	619.216.942.867	232.465.986.069
Hàng hóa khác	116.297.812.630	134.486.643.945
TỔNG CỘNG	17.821.137.643.753	12.309.955.461.929
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(375.132.344.772)	(259.792.810.947)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.446.005.298.981	12.050.162.650.982

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(259.792.810.947)	(142.925.820.050)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(375.132.344.772)	(259.792.810.947)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	259.792.810.947	142.925.820.050
Số cuối năm	(375.132.344.772)	(259.792.810.947)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và thành lập văn phòng và các trung tâm phân phối.

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác chủ yếu thể hiện chi phí ký quỹ dài hạn của văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	4.120.952.100.029	83.601.276.900	628.146.529.449	4.832.699.906.378
Mua trong năm	669.501.215.998	49.925.244.538	145.390.938.834	864.817.399.370
Tặng do mua công ty con	77.810.643.621	24.102.038.444	86.623.205.710	188.535.887.775
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	56.017.785.332	-	-	56.017.785.332
Thanh lý	(151.194.300.403)	-	(2.550.346.776)	(153.744.647.179)
Số cuối năm	4.773.087.444.577	157.628.559.882	857.610.327.217	5.788.326.331.676
Trong đó				
<i>Đã khấu hao hết</i>	232.985.606.287	10.161.763.435	156.831.666.330	399.979.036.052
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(1.147.718.234.451)	(32.882.838.350)	(216.250.500.278)	(1.396.851.573.079)
Khấu hao trong năm	(957.455.729.174)	(19.979.194.934)	(183.397.399.986)	(1.160.832.324.094)
Tặng do mua công ty con	(30.048.781.285)	(10.151.788.215)	(37.923.017.187)	(78.123.586.687)
Thanh lý	149.473.302.533	-	2.931.379.121	152.404.681.654
Số cuối năm	(1.985.749.442.377)	(63.013.821.499)	(434.639.538.330)	(2.483.402.802.206)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.973.233.865.578	50.718.438.550	411.896.029.171	3.435.848.333.299
Số cuối năm	2.787.338.002.200	94.614.738.383	422.970.788.887	3.304.923.529.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.998.878.500	6.780.588.644	32.779.467.144
Mua trong năm	-	1.058.956.000	1.058.956.000
Số cuối năm	25.998.878.500	7.839.544.644	33.838.423.144
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	(4.969.805.508)	(4.969.805.508)
Hao mòn trong năm	-	(644.487.504)	(644.487.504)
Số cuối năm	-	(5.614.293.012)	(5.614.293.012)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.998.878.500	1.810.783.136	27.809.661.636
Số cuối năm	25.998.878.500	2.225.251.632	28.224.130.132

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí xây dựng văn phòng	247.139.389.994	15.851.273.206	
Chi phí xây dựng cửa hàng, trung tâm phân phối	9.692.607.213	19.606.133.579	
TỔNG CỘNG	256.831.997.207	35.457.406.785	

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

			VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí thiết kế, bài trí mới các cửa hàng	47.023.024.097	25.134.173.951	
Công cụ, dụng cụ	11.803.940.130	29.536.921.270	
Chi phí thuê cửa hàng	25.941.124.248	43.029.968.272	
TỔNG CỘNG	84.768.088.475	97.701.063.493	

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

			VND
	Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang		
Giá trị đầu tư			
Số đầu năm		-	
Tăng trong năm		62.038.750.000	
Số cuối năm		62.038.750.000	
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:			
Số đầu năm		-	
Phần lỗ từ công ty liên kết		(2.100.986.885)	
Số cuối năm		(2.100.986.885)	
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm		-	
Số cuối năm		59.937.763.115	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang (“An Khang”) là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong kỳ là bán lẻ dược phẩm.

Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 634.100 cổ phần, tương đương 49% tỷ lệ sở hữu trong An Khang, với tổng giá phí là 62.038.750.000 VND.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	Số tiền
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	613.918.721.185
Số cuối năm	613.918.721.185
Giá trị phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	
Phân bổ trong năm	(61.391.872.119)
Số cuối năm	(61.391.872.119)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	552.526.849.066

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.244.614.243.810	7.312.177.575.893
- Công ty TNHH Sony Electronics Việt Nam	1.238.909.187.337	971.313.066.162
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.028.501.685.728	210.502.502.681
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	599.842.710.544	1.057.271.479.660
- Khác	5.377.360.660.201	5.073.090.527.390
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	61.052.093.599
TỔNG CỘNG	8.244.614.243.810	7.373.229.669.492

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Thuế TNDN phải nộp	86.778.805.236	933.836.738.446	(829.523.019.750)	191.092.523.932
Thuế GTGT	-	11.447.256.240.798	(11.425.667.779.150)	21.588.461.648
Thuế thu nhập cá nhân	48.505.732.221	193.119.833.821	(239.758.934.396)	1.866.631.646
Khác	2.137.074.828	23.445.159.288	(22.430.207.459)	3.152.026.657
TỔNG CỘNG	137.421.612.285	12.597.657.972.353	(12.517.379.940.755)	217.699.643.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản thưởng phải trả nhân viên	1.802.106.384.970	1.237.748.686.431
Chi phí hỗ trợ lãi suất	151.545.159.391	141.659.122.724
Các khoản phải trả nhân viên	67.622.692.702	60.471.906.144
Các chi phí tiện ích	39.280.477.170	19.808.721.894
Chi phí vận chuyển	29.483.125.592	19.422.412.855
Chi phí dịch vụ sửa chữa bảo hành	21.232.132.110	26.148.557.813
Chi phí tiếp thị quảng cáo	14.649.245.341	33.664.343.639
Khác	47.145.662.138	46.448.599.157
TỔNG CỘNG	2.173.064.879.414	1.585.372.350.657

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cước phí	1.042.059.390.385	687.624.275.306
Thu hộ tiền trả góp	36.449.047.741	35.003.395.257
Ký quỹ	33.499.443.205	27.241.017.382
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	25.017.709.725	13.374.171.805
Phiếu mua hàng	24.736.136.521	20.119.606.000
Các khoản phải trả khác	46.452.535.513	23.947.646.979
TỔNG CỘNG	1.208.214.263.090	807.310.112.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

B09-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 23.1)	5.528.505.990.526	31.655.968.529.964	(31.483.875.594.065)	-	5.700.598.926.425
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23.1)	75.000.000.000	600.000.000	(204.973.146.204)	265.228.856.868	135.855.710.664
	5.603.505.990.526	31.656.568.529.964	(31.688.848.740.269)	265.228.856.868	5.836.454.637.089
Vay dài hạn					
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 23.3)	1.113.056.666.666	4.539.999.995	-	-	1.117.596.666.661
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 23.2)	86.876.328.164	270.923.002.432	(2.000.000.000)	(265.228.856.868)	90.570.473.728
	1.199.932.994.830	275.463.002.427	(2.000.000.000)	(265.228.856.868)	1.208.167.140.389
TỔNG CỘNG	6.803.438.985.356	31.932.031.532.391	(31.690.848.740.269)	-	7.044.621.777.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	VND Số cuối năm	Kỳ hạn trả lãi gốc
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hà Nội	609.999.999.999	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2019 đến ngày 1 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	843.252.711.160	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	699.939.437.653	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2019 đến ngày 8 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	681.071.999.307	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2019 đến ngày 16 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Hồ Chí Minh	599.881.235.800	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2019 đến ngày 5 tháng 3 năm 2019
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hồ Chí Minh	459.127.440.742	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019
Ngân hàng TNHH Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh	383.515.118.352	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 1 năm 2019
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	361.131.332.184	Ngày 28 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	300.000.000.000	Ngày 9 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng TNHH Standard Chartered Bank	222.651.619.300	Ngày 11 tháng 2 năm 2019
Ngân hàng Citibank N.A - Chi nhánh Hà Nội	209.112.973.250	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2019 đến ngày 12 tháng 1 năm 2019
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	104.993.831.018	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Ngân hàng UOB Việt Nam	81.726.226.300	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2019 đến ngày 23 tháng 4 năm 2019
Ngân hàng Malayan Berhad - Chi nhánh Hà Nội	80.000.000.000	Ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ngân hàng Malayan Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	64.195.001.360	Ngày 15 tháng 3 năm 2019
TỔNG CỘNG	5.700.598.926.425	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

23.2 Vay dài hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	VND		Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi		
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	226.426.184.392	Ngày 4 tháng 8 năm 2017 đến ngày 4 tháng 8 năm 2020	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng cộng 3%/năm	Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh số 5)
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	135.855.710.664			
Vay dài hạn	90.570.473.728			

23.3 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước như sau:

Trái chủ	Số tiền VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	Ngày 17 tháng 11 năm 2022	Bổ sung nhu cầu vốn kinh doanh	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	30.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(17.403.333.339)				
TỔNG CỘNG	1.117.596.666.661				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Tổng cộng
VND							
Năm trước							
Số đầu năm	1.539.509.270.000	36.717.698.286	(79.164.500)	-	2.261.763.398.339	1.130.494.084	3.839.041.696.209
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	2.205.679.630.420	-	2.205.679.630.420
Chia cổ tức	-	-	-	-	(230.721.660.300)	-	(230.721.660.300)
Phát hành cổ phiếu thưởng	1.538.148.620.000	-	-	-	(1.538.148.620.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	92.226.480.000	-	-	-	-	-	92.226.480.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(86.063.365)	-	-	(86.063.365)
Số cuối năm	3.169.884.370.000	36.717.698.286	(79.164.500)	(86.063.365)	2.698.572.748.459	1.130.494.084	5.906.140.082.964
Năm nay							
Số đầu năm	3.169.884.370.000	36.717.698.286	(79.164.500)	(86.063.365)	2.698.572.748.459	1.130.494.084	5.906.140.082.964
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.878.724.130.907	-	2.878.724.130.907
Phát hành cổ phiếu (*)	61.810.840.000	514.734.297.200	-	-	-	-	576.545.137.200
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(729.700.000)	-	-	-	(729.700.000)
Giao dịch vốn trong nội bộ Nhóm Công ty với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(27.410.937.561)	-	(27.410.937.561)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(484.310.571.750)	-	(484.310.571.750)
Cổ tức bằng cổ phiếu (**)	1.075.971.460.000	-	-	-	(1.075.971.460.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (***)	127.295.110.000	-	-	-	-	-	127.295.110.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	532.636.263	-	-	532.636.263
Số cuối năm	4.434.961.780.000	551.451.995.486	(808.864.500)	446.572.898	3.989.603.910.055	1.130.494.084	8.976.785.888.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 02/2017/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0112/2017/HĐQT/NQ-TGDĐ ngày 7 tháng 12 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua việc phát hành 6.700.000 cổ phần phổ thông cho nhà đầu tư dưới hình thức phát hành riêng lẻ. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0101/2018/HĐQT/NQ-TGDĐ ngày 5 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 6.181.084 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá là 93.300 VND/cổ phiếu và vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 6.181.084 cổ phần phổ thông cho các nhà đầu tư. Vào ngày 22 tháng 5 năm 2018, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(**) Vào ngày 23 tháng 11 năm 2018, Công ty đã phát hành 107.597.146 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01_2018/BBĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0110/NQ/HĐQT-2018 ngày 8 tháng 10 năm 2018. Vào ngày 5 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(***) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã phát hành 12.729.511 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 127.295.110.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2018/BBĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018. Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Số cổ phiếu
Số đầu năm	316.988.437
Tăng vốn trong năm	126.507.741
Số cuối năm	443.496.178

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm Số cổ phiếu	Số đầu năm Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	443.496.178	316.988.437
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	443.496.178	316.988.437
Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(369.285)	(234.160)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	443.126.893	316.754.277

25. DOANH THU

25.1 Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	87.738.378.978.636	67.698.540.686.709
Cổ phiếu phổ thông		
Doanh thu bán hàng	87.029.254.963.723	67.117.558.601.292
Doanh thu cung cấp dịch vụ	709.124.014.913	580.982.085.417
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.222.091.976.137)	(1.358.736.494.531)
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	(1.222.091.976.137)	(1.358.736.494.531)
Doanh thu thuần	86.516.287.002.499	66.339.804.192.178

25.2 Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	255.850.966.106	215.225.365.033
Lãi tiền gửi	84.857.279.584	35.284.247.594
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.375.629.539	195.500
TỔNG CỘNG	342.083.875.229	250.509.808.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	436.416.577.674	233.202.340.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.514.702	1.058.093.283
Khác	155.057.860	26.162.500
TỔNG CỘNG	436.573.150.236	234.286.596.275

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân công	4.642.223.762.206	3.633.714.629.390
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.145.925.271.537	677.599.450.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.321.577.014.086	2.239.009.502.968
Chi phí khác	550.015.140.927	466.737.738.380
TỔNG CỘNG	9.659.741.188.756	7.017.061.321.366

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân công	1.647.677.224.230	1.286.336.464.061
Chi phí khấu hao và hao mòn	76.943.412.180	12.114.258.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.484.731.777	29.502.418.413
Chi phí khác	14.508.531.893	17.544.241.081
TỔNG CỘNG	1.761.613.900.080	1.345.497.381.559

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán	71.224.159.239.435	55.198.024.925.235
Chi phí nhân công	6.289.900.986.436	4.920.051.093.451
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13, 14 và 18)	1.222.868.683.717	689.713.708.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.344.061.745.863	2.268.511.921.381
Chi phí khác	564.523.672.820	484.281.979.461
TỔNG CỘNG	82.645.514.328.271	63.560.583.628.160

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	921.349.811.577	639.743.605.453
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	12.486.926.869	-
	933.836.738.446	639.743.605.453
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(27.827.229.661)	(37.328.692.156)
TỔNG CỘNG	906.009.508.785	602.414.913.297

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.786.318.568.918	2.809.312.032.646
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	757.263.713.784	561.862.406.529
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	9.001.080.177	7.331.673.985
Phân bổ lợi thế thương mại	12.278.374.424	501.034.427
Lỗi từ các công ty con	114.559.216.154	32.719.798.356
Lỗi từ công ty liên kết	420.197.377	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	906.009.508.785	602.414.913.297

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lãi với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Các khoản chi phí phải trả	63.210.600.900	59.733.000.000	3.477.600.900	12.114.905.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	75.026.468.954	51.958.562.189	23.067.906.765	23.373.398.179
Dự phòng chi phí bảo hành	11.313.726.546	9.164.907.946	2.148.818.600	1.820.410.340
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.068.735)	14.003.473	(16.072.208)	19.978.563
TỔNG CỘNG	149.548.727.665	120.870.473.608		
Chi phí TNDN hoãn lại				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	(1.896.011.499)	-	(851.024.396)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lãi			27.827.229.661	37.328.692.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	2.878.724.130.907	2.205.679.630.420	
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	430.372.609	415.284.430	
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.689	5.311	

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh để phản ánh việc tăng 107.597.146 cổ phiếu từ việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức vào ngày 23 tháng 11 năm 2018

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thành Phát	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.250.492.196.813	1.422.837.979.414
Ông Robert Willet	Thành viên HĐQT	Chi phí tư vấn	2.188.855.166	2.340.816.349

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	914.052.606.819
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Cho vay	-	84.700.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Thành Phát	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.124.551.935	34.401.056.088
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Chi trả hộ	-	4.370.188.723
		Lãi dự thu	-	1.145.194.444
TỔNG CỘNG			-	5.515.383.167
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	61.052.093.599

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	10.366.492.400	10.205.805.427

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.824.274.093.337	1.208.903.202.473
Từ 1 đến 5 năm	5.999.533.912.690	4.191.874.416.605
Trên 5 năm	2.653.513.133.360	2.298.751.793.341
TỔNG CỘNG	10.477.321.139.387	7.699.529.412.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập
Ngày 19 tháng 2 năm 2019



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Tài
Tổng Giám đốc

